

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 13/8/2025
“*V/ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Đắc Toàn và ông Nguyễn Văn Sỹ

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Gia Lai tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Ngọc Phước - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 8 năm 2025 tại Trụ sở của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 415/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2025/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Nhật Kiều M, sinh năm: 2000. Số Căn cước 05230000564 do Bộ C cấp ngày 14.02.2025.

Địa chỉ: Số D đường N, phường Q, tỉnh Gia Lai (Trước đây là số 41 đường N, phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định).

* Bị đơn: Anh Phan Như T, sinh năm 1999. Số Căn cước 052099009854 do Bộ C cấp ngày 25.4.2025.

Địa chỉ: Tổ B, khu phố D, phường Q, tỉnh Gia Lai (Trước đây là Tổ 28, khu phố D, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định).

(Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Nhật Kiều M có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Phan Như T vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện ngày 31.3.2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Nhật Kiều M trình bày:**

Chị và anh Phan Như T từ nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố Q (nay là phường Q, tỉnh Gia Lai) vào ngày 23.12.2021. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, theo chị M nguyên nhân là do quan điểm sống và tính cách của cả hai có nhiều điểm không tương đồng nên thường xuyên cãi vã, những lúc mâu thuẫn đến đỉnh điểm anh T còn đánh và có lời lẽ xúc phạm đến chị. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 03.2024 cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn anh Phan Như T để ổn định cuộc sống, hiện nay sức khỏe chị bình thường, không mang thai.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là cháu Phan Công D, sinh ngày 26.01.2023, hiện nay sức khỏe bình thường đang sống với mẹ. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về nợ chung: Quá trình chung sống, vợ chồng không nợ chung ai, không ai nợ chung vợ chồng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ngoài ra, chị không có yêu cầu gì thêm.

*** Tại bản khai ngày 09.6.2025, bị đơn anh Phan Như T trình bày:** Anh T thống nhất như lời trình bày của chị M về thời gian và điều kiện kết hôn, vợ chồng có mâu thuẫn là đúng. Tuy nhiên mâu thuẫn xảy ra là do hai vợ chồng không có tiếng nói chung về công việc và gia đình, anh chị đã tìm cách hoà giải để hàn gắn tình cảm nhưng không thành nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 03.2024 cho đến nay, do đó nay chị M đề nghị ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phan Công D, sinh ngày 26.01.2023, hiện nay sức khỏe bình thường, đang sống với mẹ. Sau khi ly hôn, anh đồng ý giao con chung là cháu Phan Công D cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con, anh đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Về nợ chung: Quá trình chung sống, vợ chồng không nợ chung ai, không ai nợ chung vợ chồng.

Về tài sản chung, vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ngoài ra, anh không có yêu cầu gì khác.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa, anh T cũng vắng mặt không lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Nhật Kiều M, chị M được ly hôn anh Phan Như T. Về con chung: Giao cháu Phan Công D cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Phan Như T là bị đơn trong vụ án, hiện cư trú tại phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (nay là phường Q, tỉnh Gia Lai) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Nhật Kiều M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Phan Như T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Nhật Kiều M và anh Phan Như T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 23 tháng 12 năm 2021 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Q (nay là phường Q, tỉnh Gia Lai) nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không có sự tương đồng trong quan điểm sống và tính cách, dẫn đến không có tiếng nói chung trong cuộc sống nên vợ chồng sống li thân từ tháng 02 năm 2024 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T có ý kiến đồng ý ly hôn, khi Tòa tiến hành hòa giải thì anh T không đến, chứng tỏ anh T không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét: Hôn nhân của chị M và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị M yêu cầu ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.1] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung là cháu Phan Công D, sinh ngày 26.01.2023, hiện nay sức khỏe bình thường, đang sống với mẹ. Chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, xét thấy: Cháu D chưa đủ 36 tháng tuổi, tại bản khai anh T cũng thống nhất giao con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chị M có chỗ ở ổn định, có thu nhập để lo cho con, do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị **M** về việc trực tiếp nuôi con chung sau khi hôn là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng. Tại bản khai anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/tháng. Xét thấy người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét nhu cầu thực tế và để bảo đảm những chi phí tối thiểu cho việc nuôi dưỡng cháu D, phù hợp với khả năng thu nhập thực tế của anh T thì việc anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Phan Công D mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.2] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Nhật Kiều M phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Nhật Kiều M được ly hôn với anh Phan Như T

2 - Về con chung: Chị Nguyễn Nhật Kiều M và anh Phan Như T có 01 con chung tên Phan Công D, sinh ngày 26.01.2023, hiện nay đang sống với chị M, sức khỏe bình thường.

- Về nuôi dưỡng con chung: Giao cháu Phan Công D, sinh ngày 26.01.2023 cho chị Nguyễn Nhật Kiều M trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phan Như T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Phan Công D mỗi tháng 3.000.000 đồng kể từ ngày 01.9.2025 cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

- Vì lợi ích của con, một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3 - Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

4 - Về án phí: Chị Nguyễn Nhật Kiều M phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai số 0001613 ngày 16.5.2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (nay là Phòng thi hành án khu vực 1 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai).

5 - Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND KV 1 – Gia Lai;
- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Phòng THA KV 1- Gia Lai;
- UBND P. Quy Nhơn Đông, tỉnh Gia Lai
(trước đây là UBND P. Nhơn Bình, TP. Quy Nhơn) (Giấy CNKH số 103 ngày 23/12/2021)
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hồng Diễm